

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Ý YÊN
TỈNH NAM ĐỊNH**

Bản án số 16/2018/HNGĐ-ST

Ngày 04/4/2018

V/v: Ly hôn

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Ý YÊN TỈNH NAM ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trọng Tảo, Bà Nguyễn Thị Hải

Thư ký Toà án: Ông Trần Mạnh Thắng - Cán bộ TAND huyện Y.

Ngày 04/4/2018, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Y xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 67/2018/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2018 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2018/QĐXX- ST ngày 26/3/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Gia T - Sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện Y, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H - Sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện Y, tỉnh Nam Định.

Nơi ĐKKHKT: Thôn A, xã B, huyện Y, tỉnh Nam Định.

Anh T có mặt tại phiên toà, chị H xin vắng mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Trong đơn khởi kiện, các lời khai và tại phiên hòa giải nguyên đơn anh Nguyễn Gia T trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị H kết hôn với nhau ngày 18/7/2013, đăng ký kết hôn tại UBND xã B. Sau khi kết hôn anh chị sống với nhau hạnh phúc được hai năm, sau đó có xảy ra một số bất đồng, chị H bỏ về xã H sống cùng bố mẹ đẻ. Anh và gia đình nhiều lần đến tìm gọi cô H về đoàn tụ nhưng cô H không nhất trí đoàn tụ. Vợ chồng chính thức sống ly thân từ năm 2015. Đến nay, anh chị vẫn thường xuyên liên lạc điện thoại với nhau nhưng chỉ coi nhau như tình bạn, tình cảm vợ chồng không còn nên anh T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho anh và chị H.

Về con chung: Không có

Tài sản chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Anh T không yêu cầu tòa án giải quyết.

2. Tại bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ khác giao nộp cho tòa án, chị H xác định:

Về thời gian và điều kiện kết hôn phù hợp với lời khai của anh T. Theo chị, sau khi kết hôn, vợ chồng sống với nhau hạnh phúc được hơn một năm, đến đầu năm 2016 thì chị H nhận thấy giữa vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên chủ động rời xa anh T. Mặc dù giữa chị và anh T vẫn thường xuyên liên lạc điện thoại với nhau nhưng tình cảm vợ chồng không còn, thời gian sống ly thân nhau đã lâu nên chị nhất trí ly hôn anh T.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác giữa chị và anh T không có gì liên quan, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Anh T đề nghị xin được ly hôn chị H. Về con chung, tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân giữa anh và chị H không có gì liên quan, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do chị H xin vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hoà giải được và quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại Điều 227 BLTTDS.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận Định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Gia T và chị Nguyễn Thị H đều có hộ khẩu thường trú tại thôn A, xã B, huyện Y, tỉnh Nam Định. Yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Y là phù hợp quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định: Hôn nhân giữa anh Nguyễn Gia T và chị Nguyễn Thị H được xác lập ngày 18/7/2013 là hôn nhân hợp pháp. Anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do giữa vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên chị H chủ động rời xa anh T. Mặc dù anh T và gia đình có tìm gọi chị H về đoàn tụ nhưng chị H không nhất trí. Tình trạng hôn nhân giữa anh chị ly thân đã lâu, giữa hai người không còn tình cảm với nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Không có.

[4] Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Anh T, chị H không có gì liên quan, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Anh T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 228 Bộ luật TTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về việc quy định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử lý hôn giữa anh Nguyễn Gia T và chị Nguyễn Thị H.

2. *Về con chung*: Không có

3. *Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân*: Anh T, chị H không có gì liên quan, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về án phí sơ thẩm ly hôn*: Anh T phải nộp 300.000 đồng. Đối trừ tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số BB/2012/08456 ngày 19/01/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Y, anh T đã nộp đủ.

Anh T được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Chị H được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh: 01 bản;
- VKSND Tỉnh+Huyện: 02 bản;
- Chi cục Thi hành án dân sự: 01 bản;
- Các đương sự: 03 bản;
- UBND xã B: 01 bản;
- Hồ sơ vụ án: 1 bản;
- Lưu VP.

(Đã ký)

Nguyễn Văn Hiến

